

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2023/DS ST**

Ngày: 17/01/2023

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đồng Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hương

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hiền -Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 71/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc: ‘Tranh chấp hợp đồng tín dụng’, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 112/QĐ-HPT ngày 28/12/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T**

Địa chỉ: Tòa nhà TP Bank số 57 L, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Ph chức vụ: chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng Điệp, ông Đỗ Tuấn Thoại, ông Huỳnh Văn Thái Bảo (giấy ủy quyền số 18/2020/GUQ-TBB.HĐQT ngày 25/9/2020)

Người nhận ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh Tùng, ông Lê Tuấn Vũ (theo Giấy ủy quyền số 825/2020/GUQ-TPB.CMC ngày 16/12/2020)(ông Tùng có mặt)

*** Bị đơn: 1. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1963**

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: 522 N, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
(ông Th, bà Hà vắng mặt)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

- 2. Ông Phạm Văn H**, sinh năm 1985 (vắng mặt)
3. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt)
4. Cháu Phạm Thị Thảo Nguyên, sinh năm 2015 (con ông H, bà L) do ông Phạm Văn H và bà Ngô Thị L là người đại diện hợp pháp
5. Cháu Phạm Thị Trúc Linh, sinh năm 2017 (con ông H, bà L) do ông Phạm Văn H và bà Ngô Thị L là người đại diện hợp pháp
6. Cháu Phạm Thị Bảo An, sinh năm 2019 (con ông H, bà L) do ông Phạm Văn H và bà Ngô Thị L là người đại diện hợp pháp
Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn tại Tòa án như sau:

Vợ chồng ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H vay vốn tại TPBank theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo hợp đồng cho vay; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014:

Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Tín chấp tiêu dùng; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 11/7/2014 đến 11/7/2018; Lãi suất: (i) trong 03 tháng đầu kể từ ngày nhận nợ 11/7/2014: 17%/năm; (ii) thời gian tiếp theo: điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 11 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng loại cuối kỳ của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8%/năm; Lịch trả nợ: Trả nợ gốc, lãi 03 tháng/lần

- Hợp đồng cho vay số 2774-12.14/HĐTD/TPBANK ngày 11/12/2014; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ 11/12/2014:

Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 11/12/2014 đến 11/12/2018; Lãi suất: (i) kể từ ngày nhận nợ 11/12/2014 đến ngày 11/3/2015: 17%/năm; (ii) thời gian tiếp theo: điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 11 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng loại cuối kỳ của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8%/năm; Lịch trả nợ: Trả nợ gốc, lãi 03 tháng/lần. Ân hạn trả nợ gốc 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân.

- Hợp đồng cho vay số 3877-01.15/HĐTD/TPBANK ngày 26/01/2015; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015:

Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 26/01/2015 đến 26/01/2019; Lãi suất: (i) kể từ ngày nhận nợ 26/01/2015 đến ngày 26/4/2015: 17%/năm; (ii) thời gian tiếp theo: điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng loại cuối kỳ của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8%/năm; Lịch trả nợ: Trả nợ gốc, lãi 03 tháng/lần.

- Tài sản bảo đảm cho tất cả các khoản vay nêu trên của vợ chồng ông Th, bà Hà bao gồm:

+ Bất động sản 1: Quyền sử dụng 40m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 773704, số vào sổ cấp GCN-CH:00076/CN-2011 do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho bà Phạm Thị X ngày 14/10/2011.

Bà X đã thế chấp cho TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.01/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014, số công chứng 3405, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

+ Bất động sản 2: Quyền sử dụng 83,2m² đất ở đô thị (trong đó có 23,4m² nằm trong quy hoạch đường giao thông), thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tài sản gắn liền với đất: Nhà bê tông cốt thép 01 tầng, diện tích xây dựng 30m²; Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 601135, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H02139 do UBND thành phố Hải Dương cấp cho ông Hà Hồng Thanh và bà Lê Thị Nhàn ngày 28/11/2006; chuyển nhượng ngày 14/4/2008 cho bà Phạm Thị X toàn bộ diện tích 83,2m² đất ở theo Hợp đồng chuyển nhượng số 203, quyền số 04 ngày 08/04/2008 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương, vào sổ theo dõi số: H-TB-0043.

Bà X đã thế chấp cho TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.02/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014, số công chứng 3406, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

+ Bất động sản 3: Quyền sử dụng 130m² (trong đó 120m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 10m² đất vườn, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043) tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thị trấn Thanh Miện (số 522 đường Nguyễn L Bằng), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Phần ghi thêm: đất chuyển nhượng 99m².

Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 989818, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 00144 QSDĐ/QĐ số 316/QĐUB do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn H ngày 26/5/2004; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đính chính thời hạn sử dụng đất vườn đến ngày 15/10/2043.

Ông Th, bà Hà đã thế chấp cho TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.03/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014, số công chứng 3425, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

+ Bất động sản 4: Quyền sử dụng 284m² (trong đó 153m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 131m² đất vườn thừa hợp pháp, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043)

tại thửa đất số 458+459, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 821820, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 548 QSDĐ/CT-T.M do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn H ngày 30/12/1997; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đính chính thời hạn sử dụng đất vườn đến ngày 15/10/2043.

Ông Th, bà Hà đã thế chấp cho TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.04/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014, số công chứng 3426, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

Việc thế chấp các tài sản nêu trên đều được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình vay vốn, TPBank đã nhiều lần làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện cho ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H thanh toán nợ. Đến ngày 26/01/2019 là ngày hết thời hạn vay vốn nhưng đến nay, ông Th và bà Hà chưa trả nợ dứt điểm cho TPBank. Lần trả nợ gần nhất, ông Th, bà Hà thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng vào ngày 03/6/2020.

Cụ thể dư nợ của ông Th, bà Hà tại TPBank tạm tính đến ngày 08/12/2022, như sau:

- * Đối với hợp đồng số 881-07.14/HĐTD /TPBANK.HO ngày 11/7/2014: Số tiền gốc vay 500.000.000 đồng.

- + Số tiền đã trả: Gốc: 447.058.825 đồng, Lãi trong hạn: 85.260.252 đồng, Lãi quá hạn: 1.563.679.

- + Số tiền còn nợ: Gốc: 52.941.175 đồng, Lãi trong hạn: 89.116.707 đồng; Lãi quá hạn: 423.626.315 đồng. Tổng: 565.684.197 đồng.

- * Đối với Hợp đồng số 2774-12.14/HĐTD /TPBANK ngày 11/12/2014: Số tiền gốc vay: 5.000.000.000 đồng.

- + Số tiền đã trả: Gốc: 0 đồng; Lãi trong hạn: 647.399.183 đồng; Lãi quá hạn: 6.730.091.

- + Số tiền còn nợ: Gốc: 5.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.364.449.641 đồng; Lãi quá hạn: 8.614.979.568 đồng. Tổng: 14.980.429.209 đồng.

- * Đối với Hợp đồng số 3877-01.15/HĐTD /TPBANK ngày 26/01/2015: Số tiền gốc: 500.000.000 đồng.

- + Số tiền đã trả: Gốc 88.235.295 đồng; Lãi trong hạn: 54.960.359 đồng; Lãi quá hạn: 10.127.076 đồng.

- + Số tiền còn nợ: Gốc 411.764.705 đồng; Lãi trong hạn: 136.274.794 đồng; Lãi quá hạn 821.384.299 đồng. Tổng: 1.369.423.798 đồng

Căn cứ thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp quy định tại Điều 12, Điều 16 của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa TPBank và ông Phạm Văn Th, bà

Nguyễn Thị H, Ngân hàng TMCP T đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H thanh toán ngay cho TPBank tổng số tiền (tạm tính đến ngày 08/12/2022) là: 16.915.537.204 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 5.464.705.880 đồng, nợ lãi trong hạn 1.590.841.142 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.859.990.182 đồng; và các khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 09/12/2022 đến ngày ông Th, bà Hà thanh toán hết các nghĩa vụ cho TPBank.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho TPBank, TPBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản sau đây để thu hồi nợ cho TPBank:

Bất động sản 1:

Quyền sử dụng 40m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 773704, số vào sổ cấp GCN-CH:00076/CN-2011 do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho bà Phạm Thị X ngày 14/10/2011.

Bất động sản 2:

Quyền sử dụng 83,2m² đất ở đô thị (trong đó có 23,4m² nằm trong quy hoạch đường giao thông), thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AH 601135, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H02139 do UBND thành phố Hải Dương cấp cho ông Hà Hồng Thanh và bà Lê Thị Nhàn ngày 28/11/2006; chuyển nhượng ngày 14/4/2008 cho bà Phạm Thị X toàn bộ diện tích 83,2m² đất ở theo Hợp đồng chuyển nhượng số 203, quyền số 04 ngày 08/04/2008 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương, vào sổ theo dõi số: H-TB-0043.

Bất động sản 3:

Quyền sử dụng 130m² (trong đó 120m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 10m² đất vườn, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043) tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thị trấn Thanh Miện (số 522 đường Nguyễn L Bằng), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất.

Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 989818, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 00144 QSDĐ/QĐ số 316/QĐUB do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn H ngày 26/5/2004; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đính chính thời hạn sử dụng đất vườn đến

ngày 15/10/2043.

Bất động sản 4:

Quyền sử dụng 284m² (trong đó 153m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 131m² đất vườn thừa hợp pháp, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043) tại thửa đất số 458+459, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương và các tài sản khác gắn liền với đất.

Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 821820, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 548 QSDĐ/CT-T.M do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn H ngày 30/12/1997; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đính chính thời hạn sử dụng đất vườn đến ngày 15/10/2043.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Th, bà Hà đối với TPBank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Th, bà Hà vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank.

*** Bị đơn ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H** không đến Tòa tham gia tố tụng, tuy nhiên ông Th và bà Hà có ý kiến trình bày tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/3/2021 và bản tự khai đề ngày 4/11/2022 như sau:

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/3/2021 ông Th và bà Hà có ý kiến: Vợ chồng ông, bà nhận được lịch triệu tập của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội vào ngày 29/3/2021 đến để giải quyết vụ vụ kiện của Ngân hàng TMCP T đòi khoản nợ mà vợ chồng ông bà vay từ năm 2014-2015. Vợ chồng ông bà Th, Hà có ý kiến như sau:

Ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H xác nhận có vay vốn tại Ngân hàng TMCP T theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014, số tiền 500.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng trong thời hạn 4 năm từ ngày 11/7/2014 đến 11/7/2018

- Hợp đồng vay số 2274-12.14/HĐTD/TPBANK ngày 11/12/2014, số tiền vay 5.000.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng trong thời hạn 4 năm từ ngày 11/12/2014 đến 11/12/2018.

- Hợp đồng vay số 3877-01.15/HĐTD/TPBANK ngày 26/01/2015, số tiền 500.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng trong thời hạn 4 năm từ ngày 26/01/2015 đến ngày 26/01/2019

Để đảm bảo cho tất cả các khoản vay nêu trên của vợ chồng ông, bà đã thế chấp 02 bất động sản bao gồm:

- Tài sản thế chấp thứ nhất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2274-12.14.03/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014; Quyền sử dụng 130m² thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Số 522 đường Nguyễn L Bằng, Thị trấn Thanh Miện,

huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 989818, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 00144 QSDĐ/QĐ số 316/QĐUB do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/5/2004.

- Tài sản thế chấp thứ hai theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.04/HĐTC/TPBBANK ngày 15/12/2014; Quyền sử dụng 284m² thửa đất số 458+459, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 821820, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 548 QSDĐ/CT-T.M do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp ngày 30/12/1997.

Ngoài các tài sản nêu trên của vợ chồng ông bà, em gái ông Th là Phạm Thị X có thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng 40m² đất ở thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 773704, số vào sổ cấp GCN-CH:00076/CN-2011 do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho bà Phạm Thị X ngày 14/10/2011 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.01/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014.

- Quyền sử dụng 83,2m² đất ở thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất là Nhà bê tông cốt thép 01 tầng, diện tích xây dựng 30m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 601135, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H02139 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 28/11/2006; chuyển nhượng ngày 14/4/2008 cho và Phạm Thị X theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.02/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014.

Do công việc làm ăn có trục trặc nên đến nay vợ chồng ông Th, bà Hà mới trả nợ cho Ngân hàng T số tiền gốc là 535.294.120 đồng, lãi là 797.747.050 đồng, tổng cộng là 1.333.041.170 đồng. Vợ chồng ông, bà xác nhận tính đến ngày 23/11/2020 còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc là 5.464.705.880 đồng, lãi là 7.891.507.445 đồng, tổng cộng là 13.356.213.325 đồng. Ông Th, bà Hà cam kết chịu lãi theo mức lãi suất đã ký kết với Ngân hàng tại các hợp đồng tín dụng.

Hiện tại, ông Th, bà Hà đề nghị với Ngân hàng T phương án trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 30/4/2021: Trả nợ gốc 5.464.705.880 đồng

- Chậm nhất ngày 30/6/2021: Trả hết toàn bộ nợ lãi để tắt toán

Nếu vi phạm thời hạn trên thì chúng tôi đồng ý để Tòa án, Ngân hàng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Hải Dương vẫn còn đang phức tạp, đi lại khó khăn nên ông Th, bà Hà gửi văn bản này đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội tạo điều kiện cho lùi thời gian đến sau ngày 30/4/2021 để ông, bà thu xếp trả nợ gốc cho Ngân hàng và Ngân hàng sẽ rút đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 4/11/2022 ông Th và bà Hà có ý kiến: Ông Th và bà Hà

đã có văn bản trình bày ý kiến ngày 20/3/2021 gửi cho Tòa án quận Hoàn Kiếm qua đường bưu điện. Ông, bà vẫn giữ nguyên các ý kiến như trong văn bản trình bày trên. Riêng về phần phương án trả nợ ông Th, bà Hà đề nghị Ngân hàng chấp thuận cho ông, bà phương án trả nợ như sau: Chậm nhất ngày 31/12/2022 ông Th, bà Hà sẽ lo trả hết nợ gốc cho Ngân hàng: 5.464.705.880 đồng (Năm tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm linh năm nghìn tám trăm tám mươi đồng) và một phần lãi nếu thu xếp được.

Về số tiền lãi: Ông Th, bà Hà đề nghị Ngân hàng giảm trên tổng tiền lãi. Ông Th, bà Hà cam kết chậm nhất ngày 30/12/2023 sẽ trả toàn bộ nợ lãi để tất toán. Nếu vi phạm thời hạn trên ông Th, bà Hà đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

Ông Th, bà Hà thế chấp 02 tài sản mang tên vợ chồng ông, bà để đảm bảo khoản vay trên gồm:

- Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 052, tờ 03 đại chỉ: 522 Nguyễn L Bằng, Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Trên nhà và đất này chỉ có vợ chồng ông Th, bà Hà ở ngoài ra không có ai khác. Từ khi thế chấp đến nay không thay đổi gì về xây dựng coi nói.

- Tài sản thứ hai: Thửa đất số 458+459 tờ 10 địa chỉ tại thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Hiện nay tài sản này ông Th, bà Hà đang cho cháu ruột ông Th là Phạm Văn H và vợ cháu là Ngô Thị L cùng 03 con sử dụng. Toàn bộ công trình trên đất là do vợ chồng ông Th, bà Hà bỏ tiền xây dựng. Vợ chồng ông Th, bà Hà cho cháu H để ở, việc cho tặng ông Th, bà Hà mới nói miệng chưa làm văn bản cho tặng. Gia đình cháu H, L không có đóng góp xây dựng trên diện tích này.

Các văn bản tố tụng Tòa án quận Hoàn Kiếm gửi ông Th, bà Hà đều nhận được như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và phiên họp, các thông báo yêu cầu gửi nộp tài liệu chứng cứ, giấy triệu tập... Tuy nhiên do bận công việc và muốn chạy tiền để trả Ngân hàng nên chưa lên Tòa theo các giấy báo trên được.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X** không đến Tòa án tham gia tố tụng, tuy nhiên bà X đã có ý kiến trình bày tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/3/2021 và bản tự khai đề ngày 4/11/2022 như sau:

- Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/3/2021 bà X có ý kiến: Bà X đã nhận được lịch triệu tập của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội vào ngày 29/3/2021 để giải quyết vụ kiện của Ngân hàng TMCP T đòi khoản nợ mà vợ chồng ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H vay từ năm 2014-2015.

Bà X xin trình bày như sau:

Bà X được biết vợ chồng ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H (là anh trai và chị dâu bà) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP T theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014, số tiền 500.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng trong thời hạn 4 năm từ ngày

11/7/2014 đến 11/7/2018

- Hợp đồng vay số 2274-12.14/HĐTD/TPBANK ngày 11/12/2014, số tiền vay 5.000.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng trong thời hạn 4 năm từ ngày 11/12/2014 đến 11/12/2018.

- Hợp đồng vay số 3877-01.15/HĐTD/TPBANK ngày 26/01/2015, số tiền 500.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng trong thời hạn 4 năm từ ngày 26/01/2015 đến ngày 26/01/2019

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên của vợ chồng ông Th, bà Hà bà Phạm Thị X đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng 02 tài sản là:

1. Quyền sử dụng 40m² đất ở thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 773704, số vào sổ cấp GCN-CH:00076/CN-2011 do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho bà Phạm Thị X ngày 14/10/2011 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.01/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014.

2. Quyền sử dụng 83,2m² đất ở thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất là Nhà bê tông cốt thép 01 tầng, diện tích xây dựng 30m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 601135, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H02139 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 28/11/2006; chuyển nhượng ngày 14/4/2008 cho và Phạm Thị X theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.02/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014.

Ngoài ra, vợ chồng ông bà Th Hà cũng thế chấp 02 tài sản của chính ông, bà là:

1. Tài sản thế chấp thứ nhất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2274-12.14.03/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014; Quyền sử dụng 130m² thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Số 522 đường Nguyễn L Bằng, Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 989818, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 00144 QSDĐ/QĐ số 316/QĐUB do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/5/2004.

2. Tài sản thế chấp thứ hai theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.04/HĐTC/TPBBANK ngày 15/12/2014; Quyền sử dụng 284m² thửa đất số 458+459, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 821820, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 548 QSDĐ/CT-T.M do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp ngày 30/12/1997.

Việc trả nợ Ngân hàng của vợ chồng ông Th, bà Hà bà X không được biết cụ thể và cũng không nắm rõ số nợ hiện tại. Đến nay, bà X được biết ông Th, bà Hà đang đề nghị với Ngân hàng T phương án trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 30/4/2021: Trả nợ gốc 5.464.705.880 đồng

- Chậm nhất ngày 30/6/2021: Trả hết toàn bộ nợ lãi để tắt toán

Nếu ông bà Th, Hà vi phạm thời hạn trên thì bà X đồng ý để Tòa án, Ngân hàng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Hải Dương vẫn còn đang phức tạp, đi lại khó khăn nên bà X gửi văn bản này đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội tạo điều kiện cho ông bà Th, Hà lùi thời gian đến sau ngày 30/4/2021 để thu xếp trả nợ gốc cho Ngân hàng và Ngân hàng sẽ rút đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai đề ngày 04/11/2022 bà X có ý kiến: Bà X là em gái của bị đơn là ông Phạm Văn Th. Bà X đã có văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/3/2021 gửi cho Tòa, bà X giữ nguyên các ý kiến như văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/3/2021. Riêng về phương án trả nợ, bà X đề nghị Ngân hàng chấp thuận theo phương án trả nợ mới của ông Th, bà Hà đưa ra theo bản tự khai đề ngày 04/11/2022 của ông Th, bà Hà đã viết.

Bà X đã dùng 02 tài sản của bà thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của ông Th, bà Hà gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng 40m² đất ở thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Hiện tại mảnh đất vẫn do bà X quản lý sử dụng. Trên đất không có công trình xây dựng gì, hiện trạng thửa đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng 83,2m² đất ở thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình (nay là phường Tân Bình), thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tại thời điểm thế chấp có 01 căn nhà cũ xây gạch. Sau đó bà X có cho gia đình ông Chủ Kim Khoa, địa chỉ tại số 166 phố Bình Lộc, phường Tân Bình mượn để ở. Việc bà X cho gia đình ông Khoa mượn chỉ là thỏa thuận bằng miệng, không lập giấy tờ gì. Sau khi gia đình ông Khoa mượn bà X đồng ý cho gia đình ông Khoa phá dỡ nhà cũ trên đất đi. Hiện nay trên đất ông Khoa có lợp mái tôn ½ diện tích đất và làm cửa sắt tôn để ở của gia đình ông Khoa. Ông Khoa có thỏa thuận với bà X khi nào cần lấy lại đất, gia đình ông Khoa sẽ tự nguyện tháo dỡ và chuyển đồ đạc trả lại mặt bằng cho bà X.

Bà X đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa gửi cho bà bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp và phiên hòa giải; các yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và một số văn bản tố tụng khác của Tòa

Bà X sẽ ủy quyền cho anh trai là Phạm Văn Th tham gia tố tụng tại Tòa án. Trường hợp nếu ông Th và bà Hà không trả được nợ cho ngân hàng theo đúng phương án trả nợ như ông bà đã đưa ra tại bản tự khai đề ngày 4/11/2022 của ông, bà Th, chị Hà thì bà X đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn H, bà Ngô Thị L đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng ông H, bà L không đến tòa và không gửi ý kiến về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ (của cả 03 hợp đồng tín dụng) tính đến ngày 17/01/2023 là:

+ Tiền gốc: 5.464.705.880 đồng

+ Lãi trong hạn: 1.590.841.142 đồng;

+ Lãi quá hạn: 10.051.093.473 đồng

Tổng cộng: 17.106.640.495 đồng

+ Ông Th, bà Hà phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng trên từ ngày xét xử cho đến ngày ông Th, bà Hà trả hết nợ cho Ngân hàng.

+ Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho TPBank, TPBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho TPBank:

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Văn H, bà Ngô thị L (ông H- bà L đại diện hợp pháp cho các con Phạm Thị Thảo Nguyên, Phạm Thị Trúc Linh, Phạm Thị Bảo An) vắng mặt tại phiên tòa

* Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng với quy định của pháp luật. Vụ án quá thời hạn xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

Tại Điều 16 của Hợp đồng cho vay số 2774-12.14/HĐTD/TPBANK và Hợp đồng cho vay số 3877-01.15/HĐTD/TPBANK, Điều 12 của Hợp đồng cho vay số 2774-12.14/HĐTD/TPBANK các bên đều thỏa thuận *thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân nơi đặt trụ sở chính của TPBank hoặc địa điểm chi nhánh của TPBank do TPBank lựa chọn và ghi nhận tại đơn khởi kiện*. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp, trụ sở chính của TPBank tại địa chỉ: Tòa nhà TPBank số 57 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do vậy, căn cứ Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Tại phiên Tòa, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Văn H, bà Ngô thị L (ông H- bà L đại diện hợp pháp cho các con Phạm Thị Thảo Nguyên, Phạm Thị Trúc Linh, Phạm Thị Bảo An) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án.

2. Về Nội dung:

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H vay của TPBank theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 2774-12.14/HĐTD/TPBANK ngày 11/12/2014; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ 11/12/2014:

Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 11/12/2014 đến 11/12/2018;

- Hợp đồng cho vay số 3877-01.15/HĐTD/TPBANK ngày 26/01/2015; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015:

Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 26/01/2015 đến 26/01/2019.

Ngoài ra, ông Phạm Văn Th còn ký hợp đồng tín dụng với TPBank là

- Hợp đồng cho vay số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo hợp đồng cho vay; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014:

Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Tín chấp tiêu dùng; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 11/7/2014 đến 11/7/2018;

Để đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng trên, giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H có có giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, gồm:

- Tài sản thế chấp thứ nhất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2274-12.14.03/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014; Quyền sử dụng 130m2 thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Số 522 đường Nguyễn L Bằng, Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 989818, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 00144 QSDĐ/QĐ số 316/QĐUB do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/5/2004.

- Tài sản thế chấp thứ hai theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.04/HĐTC/TPBBANK ngày 15/12/2014; Quyền sử dụng 284m2 thửa đất số 458+459, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 821820, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 548 QSDĐ/CT-T.M do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp ngày 30/12/1997.

Ngoài các tài sản nêu trên của vợ chồng ông Th, bà Hà, bà Phạm Thị X(em gái ông Th) có thể chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của ông Th, bà Hà gồm:

- Quyền sử dụng 40m² đất ở thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 773704, số vào sổ cấp GCN-CH:00076/CN-2011 do UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho bà Phạm Thị X ngày 14/10/2011 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.01/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014.

- Quyền sử dụng 83,2m² đất ở thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất là Nhà bê tông cốt thép 01 tầng, diện tích xây dựng 30m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 601135, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H02139 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 28/11/2006; chuyển nhượng ngày 14/4/2008 cho và Phạm Thị X theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.02/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014.

Các tài sản thế chấp trên đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tại các ý kiến của ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị X gửi Tòa án đều thừa nhận các bên đã giao kết các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp như đã nêu trên. Do vậy, căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp xác định các bên đã giao kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp như đã nêu trên.

- * Về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các quy định của pháp luật về việc giao kết hợp đồng, căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ của ngân hàng thấy: Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp được giao kết giữa các bên như đã nêu ở trên là đảm bảo không trái với quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền.

- * Về việc thực hiện hợp đồng:

Phía nguyên đơn trình bày và bị đơn thừa nhận: Bị đơn đã vay số tiền gốc của cả 03 hợp đồng là 6.000.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên số tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 20/11/2020 là: Tiền gốc: 535.294.120 đồng, tiền lãi 797.747.050 đồng. Số tiền còn nợ là: Tiền gốc 5.464.705.880 đồng, tiền lãi 7.891.507.445 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có cơ sở xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn (đối với 03 Hợp đồng) số tiền 6.000.000.000 đồng và đã thực hiện việc trả gốc: 535.294.120 đồng đồng, trả lãi 797.747.050 đồng.

- * Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với các Hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng khoản vay của ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H đã quá hạn trả nợ gốc. Như vậy, ông Phạm

Văn Th và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thoả thuận.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014 do ông Phạm Văn Th giao kết với Ngân hàng, Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Tín chấp tiêu dùng. Tại các ý kiến trình bày gửi Tòa án, bà Nguyễn Thị H đều thừa nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng, do vậy xác định nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay này là của ông Th và bà Hà.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc của cả ba hợp đồng tín dụng là 5.464.705.880 đồng

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày 17/01/2023 là:

- Lãi trong hạn: 1.590.481.142 đồng.

- Lãi quá hạn: 10.051.093.473 đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- + Tại Hợp đồng cho vay số 881-07.14/HĐTD/TPBANK.HO ngày 11/7/2014, số tiền gốc vay 500.000.000 đồng. Các bên thoả thuận về lãi như sau: Lãi suất: (i) trong 03 tháng đầu kể từ ngày nhận nợ 11/7/2014: 17%/năm; (ii) thời gian tiếp theo: điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 11 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng loại cuối kỳ của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8%/năm; Lịch trả nợ: Trả nợ gốc, lãi 03 tháng/lần

- + Tại Hợp đồng cho vay số 2774-12.14/HĐTD/TPBANK ngày 11/12/2014, số tiền gốc vay 5.000.000.000 đồng. Các bên thoả thuận về lãi: Lãi suất: (i) kể từ ngày nhận nợ 11/12/2014 đến ngày 27/01/2015: 17%/năm; kể từ ngày 28/01/2015 cho đến là 11,5%(ii) thời gian tiếp theo: điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 11 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng loại cuối kỳ của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,95%/năm; Lịch trả nợ: Trả nợ gốc, lãi 03 tháng/lần. Ân hạn trả nợ gốc 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân.

- + Tại Hợp đồng cho vay số 3877-01.15/HĐTD/TPBANK ngày 26/01/2015, số tiền gốc vay là 500.000.000 đồng. Các bên thoả thuận về lãi: Lãi suất: (i) kể từ ngày nhận nợ 26/01/2015 đến ngày 26/4/2015: 17%/năm; (ii) thời gian tiếp theo: điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng loại cuối kỳ của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8%/năm; Lịch trả nợ: Trả nợ gốc, lãi 03 tháng/lần.

Căn cứ vào thoả thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng, căn cứ vào các quy định về thay đổi lãi suất của Ngân hàng, có cơ sở chấp nhận số tiền lãi chưa trả theo cách tính của nguyên đơn cho đến ngày 17/01/2023 như trên.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ngân hàng buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/11/2023 như sau:

- + Tiền gốc: 5.464.705.880 đồng
- + Lãi trong hạn: 1.590.841.142 đồng;
- + Lãi quá hạn: 10.051.093.473 đồng

Tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/01/2023 là: 17.106.640.495 đồng (mười bảy tỷ, một trăm linh sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng)

Ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc còn lại chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/01/2023 cho đến khi ông Th, bà Hà trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Về nghĩa vụ đảm bảo:

Tại các Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ các bên đều thỏa thuận: Nghĩa vụ được bảo đảm: Tài sản thế chấp đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng thế chấp.

Như vậy, các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng với ông Th, bà Hà; giữa ngân hàng với ông Th đều được bảo đảm bằng các tài sản mà ông Th, bà Hà, bà X đã thế chấp cho Ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp là Thửa đất số 458+459 tờ 10 địa chỉ tại thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Hiện nay tài sản này ông Th, bà Hà đang cho cháu ruột ông Th là anh Phạm Văn H và vợ anh H là chị Ngô Thị L cùng 03 con sử dụng. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/4/2022, chị L trình bày ngôi nhà 02 tầng và các công trình phụ trên đất xây dựng năm 2010 do anh H và chị L xây dựng. Tòa án có triệu tập anh H, chị L đến tòa, đồng thời có thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ liên quan đến việc xây dựng công trình trên đất, tuy nhiên anh H, chị L không đến tòa cũng như giao nộp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Mặt khác, ông Phạm Văn Th là chủ sử dụng đất đã trình bày tại Bản tự khai ngày 04/11/2022 khẳng định: *Toàn bộ công trình trên đất là do vợ chồng ông Th, bà Hà bỏ tiền xây dựng. Vợ chồng ông Th, bà Hà cho cháu H để ở, việc cho tặng ông Th, bà Hà mới nói miệng chưa làm văn bản cho tặng. Gia đình cháu H, L không có đóng góp xây dựng trên diện tích này.* Vì vậy, không có căn cứ xác định tài sản gắn liền với đất trên thuộc sở hữu của anh H, chị L để xem xét khi xử lý tài sản thế chấp.

Đối với Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 130m² thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Số 522 đường Nguyễn L Bằng, Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H và tài sản thế chấp Thửa đất số 458+459 tờ 10 địa chỉ tại thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, Giấy chứng nhận

đứng tên ông Phạm Văn Th(Hiện nay tài sản này ông Th, bà Hà đang cho cháu ruột ông Th là Phạm Văn H và vợ cháu là Ngô Thị L cùng 03 con sử dụng). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tuy nhiên theo như các bên đương sự trình bày trên đất có nhà và các công trình xây dựng khác do ông Th, bà Hà xây dựng trước khi ký hợp đồng thế chấp. Về việc xử lý tài sản thế chấp các bên không có thỏa thuận nào khác ngoài các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp. Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/01/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm quy định: *“3. Trong trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản gắn liền với đất được xử lý đồng thời với quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng: Trường hợp ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không hết cho Ngân hàng, thì bên thế chấp tài sản thực hiện trả nợ theo phạm vi, nghĩa vụ bảo đảm của tài sản. Trường hợp bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là:

- + Quyền sử dụng 40m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 773704, số vào sổ cấp GCN-CH:00076/CN-2011 ngày 14/10/2011 đứng tên bà Phạm Thị X. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.01/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014, số công chứng 3405, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

- + Quyền sử dụng 83,2m² đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất (trong đó có 23,4m² nằm trong quy hoạch đường giao thông), thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được UBND thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 601135, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H02139 cho ông Hà Hồng Thanh và bà Lê Thị Nhàn ngày 28/11/2006; chuyển nhượng ngày 14/4/2008 cho bà Phạm Thị X toàn bộ diện tích 83,2m² đất ở theo Hợp đồng chuyển nhượng số 203, quyền số 04 ngày 08/04/2008 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương, vào sổ theo dõi số: H-TB-0043. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.02/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014, số công chứng 3406, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

- + Quyền sử dụng 130m² (trong đó 120m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và

10m2 đất vườn, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043) và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thị trấn Thanh Miện (số 522 đường Nguyễn L Bằng), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Thanh Miện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 989818, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 00144 QSDĐ/QĐ số 316/QĐUB cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn H ngày 26/5/2004; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đình chính thời hạn sử dụng đất vườn đến ngày 15/10/2043. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.03/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014, số công chứng 3425, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

+ Quyền sử dụng 284m2 (trong đó 153m2 đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 131m2 đất vườn thừa hợp pháp, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043) và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458+459, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 821820, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 548 QSDĐ/CT-T.M cho ông Phạm Văn Th ngày 30/12/1997; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đình chính thời hạn sử dụng đất vườn đến ngày 15/10/2043. Tài sản đã thế chấp cho ngân hàng TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.04/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014, số công chứng 3426, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

Ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị X, ông Phạm Văn H, bà Ngô Thị L cùng các con của ông H, bà L và những người khác đang sử dụng tài sản thế có nghĩa vụ giao lại các tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 351, 355, 721 Bộ luật dân sự 2005 và các điều 323, 324, 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 40, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/01/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM CP T đối với ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H

2. Buộc ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TM CP T tiền gốc và lãi (của 03 ợp đồng tín dụng) tính đến ngày 17/01/2023 như sau:

+ Tiền gốc: 5.464.705.880 đồng

+ Lãi trong hạn: 1.590.841.142 đồng;

+ Lãi quá hạn: 10.051.093.473 đồng

Tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/01/2023 là: 17.106.640.495 đồng(*mười bảy tỷ, một trăm linh sáu triệu, bốn trăm chín mươi lăm đồng*)

Ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc còn lại chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/01/2023 cho đến khi ông Th, bà Hà trả hết nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị H không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không hết cho Ngân hàng, thì bên thế chấp tài sản thực hiện trả nợ theo phạm vi, nghĩa vụ bảo đảm của tài sản. Trường hợp bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật:

+ Quyền sử dụng 40m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 5b, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 773704, sổ vào sổ cấp GCN-CH:00076/CN-2011 ngày 14/10/2011 đứng tên bà Phạm Thị X. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.01/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014, số công chứng 3405, quyển số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

+ Quyền sử dụng 83,2m² đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất (trong đó có 23,4m² nằm trong quy hoạch đường giao thông), thời hạn sử dụng lâu dài tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: Bình Lâu – Khu 10, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được UBND thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 601135, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H02139 cho ông Hà Hồng Thanh và bà Lê Thị Nhàn ngày 28/11/2006; chuyển nhượng ngày 14/4/2008 cho bà Phạm Thị X toàn bộ diện tích 83,2m² đất ở theo Hợp đồng chuyển nhượng số 203, quyển số 04 ngày 08/04/2008 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương, vào sổ theo dõi số: H-TB-0043. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TPBank

theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.02/HĐTC/TPBANK ngày 12/12/2014, số công chứng 3406, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

+ Quyền sử dụng 130m² (trong đó 120m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 10m² đất vườn, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043) và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thị trấn Thanh Miện (số 522 đường Nguyễn L Bằng), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Thanh Miện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 989818, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 00144 QSDĐ/QĐ số 316/QĐUB cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn H ngày 26/5/2004; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đính chính thời hạn sử dụng đất vườn đến ngày 15/10/2043. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.03/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014, số công chứng 3425, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

+ Quyền sử dụng 284m² (trong đó 153m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 131m² đất vườn thừa hợp pháp, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043) và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458+459, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 821820, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất 548 QSDĐ/CT-T.M cho ông Phạm Văn Th ngày 30/12/1997; ngày 15/12/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện đính chính thời hạn sử dụng đất vườn đến ngày 15/10/2043. Tài sản đã thế chấp cho ngân hàng TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2774-12.14.04/HĐTC/TPBANK ngày 15/12/2014, số công chứng 3426, quyền số 08/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2014 tại văn phòng công chứng Sinh Phúc.

Ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị X, ông Phạm Văn H, bà Ngô Thị L cùng các con của ông H, bà L và những người khác đang sử dụng tài sản thế có nghĩa vụ giao lại các tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị H phải chịu án Dân sự sơ thẩm là 125.106.000 đồng.

+ Trả lại Ngân hàng TM CP T số tiền 57.000.000 (*năm mươi bảy triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số B0018290 ngày 05/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án quận Hoàn Kiếm
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Đồng Trung